



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 11619/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4684.BT1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH SEPZONE - LINH TRUNG
(VIỆT NAM)

Ngày lấy mẫu : 21/11/2025

Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH SEPZONE - LINH TRUNG (VIỆT NAM) - Loại mẫu : Bùn thải
KCX LINH TRUNG II
P.Tam Bình, TP. HCM

Vị trí lấy mẫu : 25.4684.BT1: Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCX LINH TRUNG II,
X:1204347,56; Y:605669,11

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT
				25.4684.BT1	Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối Htc (ppm)
1	pH ^(b)	-	US EPA 9045D US EPA 9040C	7,27	2 - 12,5
2	Asen (As) ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 3050B US EPA 7010	KPH (LOD=0,200)	24,04
3	Bari (Ba) ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 3050B US EPA 7010	116,5	1.202
4	Bạc (Ag) ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 3050B US EPA 7000B	5,37	60,1
5	Cadimi (Cd) ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 3050B US EPA 7010	KPH (LOD=0,010)	6,01
6	Chì (Pb) ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 3050B US EPA 7000B	KPH (LOD=12,00)	180,3
7	Coban (Co) ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 3050B US EPA 7000B	KPH (LOD=0,300)	961,6
8	Kẽm (Zn) ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 3050B US EPA 7000B	561,1	3.005
9	Niken (Ni) ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 3050B US EPA 7000B	10,38	841,4
10	Selen (Se) ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 3050B US EPA 7010	KPH (LOD=0,2)	12,02
11	Thủy ngân (Hg) ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 7471B	KPH (LOD=0,300)	2,404
12	Crom VI (Cr ⁶⁺) ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 3060A US EPA 7196A	KPH (LOD=1,80)	60,1
13	CN ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 9013A US EPA 9010C US EPA 9014	KPH (LOD=0,300)	354,59
14	Tổng Dầu ^(b)	mg/L	TCVN 9239:2012 US EPA 1664B	5,1	50 ⁽¹⁾
15	Phenol ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 3540C US EPA 3630C US EPA 8270E	KPH (LOD=0,25)	12.020





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT
				25.4684.BT1	Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối Htc (ppm)
16	Benzen ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 5021A US EPA 8260D	KPH (LOD=0,7)	6,01

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. QCVN 50:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước
3. Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối Htc (ppm): T = 0,58; ⁽¹⁾Ngưỡng nồng độ ngấm chiết Ctc (mg/L);
4. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
5. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
6. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
7. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
8. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 12 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

KS. Trần Thị Phương Linh

Trưởng phòng PTN

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiển

